

BÀN VỀ THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ THEO LUẬT HỢP TÁC XÃ NĂM 2023

*Đỗ Thị Kiều Phương**

Tóm tắt: Luật Hợp tác xã năm 2023 đánh dấu sự thay đổi khá lớn trong các quy định pháp luật về hợp tác xã, trong đó có các quy định liên quan đến thành viên hợp tác xã. Trong bài viết này, tác giả phân tích một số quy định của Luật Hợp tác xã hiện hành về thành viên của hợp tác xã. Trên cơ sở đó, tác giả chỉ ra những bất cập của pháp luật Việt Nam, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về thành viên hợp tác xã.

Từ khóa: Thành viên hợp tác xã, hợp tác xã, quy định về thành viên hợp tác xã.

Abstract: The 2023 Law on Cooperatives marks a significant shift in the legal regulation of cooperatives in Vietnam, including important changes to the provisions on cooperative members. In this article, the author analyses a number of provisions of the current Law on Cooperatives concerning cooperative membership. On that basis, the author identifies shortcomings in the Vietnamese legal framework and proposes several solutions to improve the regulation of cooperative members.

Keywords: Cooperative members; cooperatives; legal regulation of cooperative membership.

1. Thực trạng pháp luật về thành viên hợp tác xã

Chế định pháp luật về thành viên hợp tác xã là một trong những nội dung quan trọng của pháp luật về hợp tác xã. Liên quan đến chế định này, Luật Hợp tác xã năm 2023 đã có những thay đổi nhất định so với Luật Hợp tác xã năm 2012. Nhìn chung, chế định pháp luật về hợp tác xã bao gồm các nội dung: (i) Các loại thành viên của hợp tác xã; (ii) Số lượng thành viên tối thiểu của hợp tác xã; (iii) Điều kiện để trở thành thành viên của hợp tác xã; (iv) Quyền và nghĩa vụ của thành viên hợp tác xã; (v) Chấm dứt tư cách thành viên hợp tác xã. Trong phạm vi bài viết này, tác giả chủ yếu tập trung phân tích 03 nội dung, gồm nội dung (i), (iii) và (iv).

1.1. Quy định pháp luật về các loại thành viên của hợp tác xã

Theo chiều dài lịch sử hình thành và phát triển của mô hình kinh tế tập thể ở Việt Nam mà đại diện là hợp tác xã, sự hình thành tư cách thành viên hợp tác xã của một tổ chức, cá nhân thông qua các cách thức: (i) Góp vốn vào hợp tác xã; (ii) Góp sức vào hợp tác xã; (iii) Sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã. Luật Hợp tác xã năm 1996 yêu cầu xã viên hợp tác xã phải là người vừa góp vốn, vừa góp sức (khoản 1 Điều 22). Luật Hợp tác xã năm 2012 quy định thành viên hợp tác xã vừa góp vốn, vừa phải có nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã (khoản 1 Điều 13). Sự đa dạng về cách thức trở thành thành viên của hợp tác xã dẫn tới về mặt bản chất, hợp tác xã có nhiều loại thành viên khác nhau, mặc dù trong các văn bản Luật Hợp tác xã năm

* TS., Học viện Tài chính.

1996 và 2012 của Việt Nam không đặt tên rõ ràng cho từng loại thành viên cho đến khi Luật Hợp tác xã năm 2023 được ban hành. Không phân loại rõ ràng về từng loại thành viên, đồng thời quy định thành viên hợp tác xã vừa phải góp vốn, vừa phải góp sức, vừa phải sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã là quy định phù hợp với giai đoạn đầu khi mô hình hợp tác xã mới hình thành ở Việt Nam. Khi đó, nền kinh tế nước ta chưa phát triển mạnh, hợp tác xã là một loại hình chủ thể kinh doanh khá phù hợp cho những “người yếu thế” cần dựa vào nhau, hợp tác với nhau cùng kinh doanh và tạo việc làm cho nhau. Những người này thông thường là những người “yếu thế” về tài sản góp vốn (tiềm lực tài chính không dồi dào như những nhà đầu tư lựa chọn mô hình doanh nghiệp), “yếu thế” về việc làm (phần lớn là những người không có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo bài bản và không có việc làm chính thức tại một cơ quan, tổ chức). Do đó, họ hợp tác với nhau, tương trợ, giúp đỡ nhau trong kinh doanh và tạo việc làm. Để thúc đẩy hoạt động kinh doanh của hợp tác xã bằng cách khai thác nhu cầu của chính thành viên hợp tác xã, pháp luật cũng quy định về việc sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã là con đường để trở thành thành viên hợp tác xã của các tổ chức, cá nhân. Hiện nay, nền kinh tế thế giới nói chung, kinh tế Việt Nam nói riêng đã có những bước phát triển vượt bậc. Điều này tác động không nhỏ tới cách thức trở thành thành viên hợp tác xã, vì vậy, pháp luật cũng dần thay đổi để bắt nhịp với sự phát triển này. Từ đó, quy định pháp luật về các loại thành viên của hợp tác xã là một trong những nội dung thay đổi khá cơ bản của Luật Hợp tác xã năm 2023 so với các luật hợp tác xã trước đây.

Luật Hợp tác xã năm 2023 chia thành viên của hợp tác xã thành nhiều loại khác nhau, trong khi các luật hợp tác xã trước đó chỉ quy định một loại, gọi là “xã viên” (Luật Hợp tác xã năm 1996) hoặc “thành viên” (Luật Hợp tác xã năm 2012).

Tại khoản 16 Điều 4 Luật Hợp tác xã năm 2023 quy định về thành viên hợp tác xã bao gồm thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn và thành viên liên kết không góp vốn. Cũng tại điều luật này, 03 loại thành viên trên được mô tả cụ thể như sau:

Thành viên chính thức bao gồm: (i) Thành viên góp vốn và sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã; (ii) Thành viên góp vốn và góp sức lao động vào hợp tác xã; (iii) Thành viên góp vốn, sử dụng sản phẩm, dịch vụ và góp sức lao động vào hợp tác xã¹.

Thành viên liên kết góp vốn là thành viên chỉ góp vốn, không sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã và không góp sức lao động vào hợp tác xã².

Thành viên liên kết không góp vốn bao gồm: (i) Thành viên không góp vốn, chỉ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã; (ii) Thành viên không góp vốn, chỉ góp sức lao động vào hợp tác xã; (iii) Thành viên không góp vốn, chỉ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã và góp sức lao động vào hợp tác xã³.

Việc đặt tên cho từng loại thành viên nhằm thể hiện rõ bản chất của mỗi loại thành viên hợp tác xã trong chính tên gọi đã được thực hiện từ lâu trong pháp luật của nhiều quốc gia. Ở Nhật Bản, mỗi hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh khác nhau được điều chỉnh bởi các văn bản pháp

¹ Xem khoản 17 Điều 4 Luật Hợp tác xã năm 2023.

² Xem khoản 18 Điều 4 Luật Hợp tác xã năm 2023.

³ Xem khoản 19 Điều 4 Luật Hợp tác xã năm 2023.

luật hợp tác xã khác nhau. Ví dụ như: Hợp tác xã nông nghiệp – được coi là một loại hình hợp tác xã tiêu biểu tại Nhật Bản, bên cạnh các loại hình hợp tác xã khác như hợp tác xã tiêu dùng, hợp tác xã thủy sản, hợp tác xã lâm nghiệp... Theo Luật Hợp tác xã nông nghiệp Nhật Bản (ban hành năm 1947, sửa đổi năm 1993, hợp tác xã có 02 loại thành viên, bao gồm thành viên thường xuyên và thành viên liên kết, trong đó số lượng thành viên liên kết trong mỗi hợp tác xã không được vượt quá 1/5 số lượng thành viên thường xuyên⁴. Ở Canada, theo Đạo luật hợp tác xã năm 1998 (sửa đổi các năm 2012, 2015), hợp tác xã tại Canada phải có các thành viên hoạt động (gọi là members) và có thể có các thành viên đầu tư (là thành viên sở hữu vốn đầu tư vào hợp tác xã, gọi là investment shares), trong đó các thành viên đầu tư về cơ bản sẽ không có quyền biểu quyết⁵. Ở Thái Lan, theo Luật Hợp tác xã BE năm 1999, hợp tác xã cơ sở có 02 loại thành viên, bao gồm thành viên chính thức và thành viên liên kết⁶. Ở Cộng hòa Séc, Luật các công ty thương mại và hợp tác xã năm 2012 quy định xã viên hợp tác xã là người bình thường, có quyền công dân (chủ thể thân thể và chủ thể pháp luật); nếu điều luật quy định xã viên phải có mối quan hệ lao động với hợp tác xã thì những người tốt

nghiep phổ thông trung học và từ 15 tuổi trở lên có thể trở thành xã viên hợp tác xã⁷.

Với quy định tại Điều 4 Luật Hợp tác xã năm 2023 cho thấy, pháp luật Việt Nam không còn quy định bắt buộc thành viên hợp tác xã phải đồng thời góp vốn, góp sức hay sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã. Tùy thuộc vào việc các cá nhân, tổ chức trở thành loại thành viên nào của hợp tác xã mà phải thỏa mãn tiêu chí tương ứng. Thành viên liên kết góp vốn chỉ cần góp vốn mà không cần góp sức, không cần sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã. Hoặc thành viên liên kết không góp vốn chỉ cần sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã mà không phải góp vốn; hoặc chỉ cần góp sức lao động vào hợp tác xã mà không cần góp vốn... Chỉ có thành viên chính thức của hợp tác xã mới phải thỏa mãn đồng thời nhiều tiêu chí trong 03 tiêu chí (góp vốn; góp sức; sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã) trên. Đây là quy định phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội và sự phát triển của hợp tác xã ở Việt Nam hiện nay, vì:

Một là, trên thực tế ở nước ta hiện nay có những tổ chức, cá nhân chỉ có nhu cầu góp vốn vào hợp tác xã, bởi lẽ họ đang có những công việc chính thức khác, đang công tác ở các cơ quan, tổ chức khác hoặc đơn giản là họ không có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến lĩnh vực kinh doanh của hợp tác xã. Luật Hợp tác xã liên bang của Ấn Độ năm 2002 quy định xã viên được công nhận có tư cách xã viên của hợp tác xã theo đúng điều lệ hợp tác xã nếu có đơn xin vào hợp tác xã và đã mua cổ phần hợp tác xã. Bên cạnh đó, Luật Hợp tác xã

⁴Agricultural Cooperative Law of Japan 1947, <https://faolex.fao.org/docs/pdf/jap163836.pdf>, truy cập ngày 19/3/2025.

⁵Canada Cooperatives Act S.C. 1998, c. 1, assented to 1998-03-31, <https://laws-lois.justice.gc.ca/eng/acts/c-1.7/page-1.html>, truy cập ngày 13/3/2025.

⁶Thailand BE Cooperative Law 1999, <https://faolex.fao.org/docs/pdf/tha89589.pdf>, truy cập ngày 19/3/2025.

⁷Law No. 90/2012 Coll. on commercial companies and cooperatives (Law on commercial corporations), - czech legislation, truy cập ngày 25/2/2025.

liên bang của Ấn Độ năm 2002 cũng quy định một trong những điều kiện trở thành xã viên hợp tác xã là phải có ruộng đất hoặc theo đuổi nghề nghiệp buôn bán hoặc nghề nghiệp liên quan đến nhiệm vụ trong khu vực hoạt động của hợp tác xã⁸. Quy định này của Luật Hợp tác xã liên bang Ấn Độ năm 2002 có tính khả thi trong tiêu chí “góp sức” của thành viên hợp tác xã vì nó kèm theo quy định mang tính bảo đảm, đó là thành viên hợp tác xã phải theo đuổi nghề nghiệp buôn bán hoặc nghề nghiệp liên quan đến nhiệm vụ của hợp tác xã trong khu vực hoạt động của hợp tác xã. Trong các luật hợp tác xã của Việt Nam, không có quy định bắt buộc về nghề nghiệp, chuyên môn của thành viên hợp tác xã phải liên quan đến lĩnh vực kinh doanh của hợp tác xã. Do đó, quy định để trở thành thành viên của hợp tác xã, các chủ thể vừa phải góp vốn, vừa phải góp sức không còn là quy định phù hợp.

Hai là, không phải thành viên nào của hợp tác xã cũng có nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã. Do đó, quy định thành viên hợp tác xã vừa phải góp vốn, vừa phải sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã là một quy định không hợp lý. Ngoài ra, quy định này vô hình trung còn hạn chế quyền tự do lựa chọn sản phẩm, dịch vụ của khách hàng, người tiêu dùng. Bên cạnh đó, quy định tiêu chuẩn kép còn hạn chế một số đối tượng trở thành thành viên hoặc không thể tiếp tục tư cách thành viên của hợp tác xã. Tại Tờ trình dự án Luật Hợp tác xã (sửa đổi) số 379/TTr-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ, trang 03 nhận

định: “*Quy định tại Điều 13, 15 Luật hợp tác xã năm 2012 bắt buộc thành viên phải sử dụng sản phẩm, dịch vụ đã hạn chế một số đối tượng trở thành thành viên hoặc không thể tiếp tục là thành viên của hợp tác xã như: Người muốn đóng góp cho hợp tác xã bằng tài sản, vốn đầu tư, kinh nghiệm, kiến thức chuyên môn, uy tín... hoặc thành viên làm việc lâu năm cho hợp tác xã đến tuổi nghỉ hưu muốn tiếp tục cống hiến cho hợp tác xã*”.

Ba là, việc quy định hợp tác xã có một loại thành viên không còn phù hợp với tình hình hiện nay ở Việt Nam, lạc hậu so với thế giới, đồng thời trái với nguyên tắc mở rộng thành viên của Liên minh Hợp tác xã quốc tế⁹ và khoản 2 Điều 7 Luật Hợp tác xã năm 2012 “Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kết nạp rộng rãi thành viên, hợp tác xã thành viên”. Luật Hợp tác xã Philippin năm 1990 quy định: “Một hợp tác xã có hai loại thành viên là thành viên chính thức và cộng tác viên. Thành viên chính thức được hưởng tất cả các quyền lợi của một thành viên. Cộng tác viên không có quyền bỏ phiếu và không được ứng cử mà chỉ được hưởng những quyền lợi do nội quy đề ra”¹⁰. Ngoài ra, tại Tờ trình dự án Luật Hợp tác xã (sửa đổi) số 379/TTr-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ, trang 04 nhận định: “*Luật Hợp tác xã năm 2012 chỉ có một loại thành viên, nhưng thực tế rất nhiều hợp tác xã ngoài thành viên chính thức còn có các thành viên liên kết là cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác,*

⁸ The Multi State Cooperative Societies Act, 2002, India Code: Multi-State Co-operative Societies Act, 2002, truy cập ngày 25/2/2025.

⁹ International Cooperative Alliance, *Guidance Notes to the Co-operative Principles*, <https://www.ica.coop/en/whats-co-op/co-operative-identity-values-principles>, truy cập ngày 25/2/2025.

¹⁰ Cooperative Development Authority (Cơ quan phát triển hợp tác xã Philippines), *Frequently Asked Questions, Frequently Asked Questions | CDA*, truy cập ngày 25/2/2025.

doanh nghiệp tham gia góp vốn, hỗ trợ kỹ thuật sản xuất, chế biến, cung cấp và tiêu thụ dịch vụ, sản phẩm với hợp tác xã. Thành viên liên kết mặc dù đóng góp rất lớn vào hợp tác xã, nhưng không được pháp luật công nhận, không được hưởng lợi ích từ hợp tác xã, chưa được giáo dục, định hướng trở thành thành viên chính thức của hợp tác xã". Do đó, việc Luật Hợp tác xã năm 2023 quy định nhiều loại thành viên với những yêu cầu khác nhau, quyền và nghĩa vụ khác nhau là một sự thay đổi hợp lý với tình hình hiện nay.

1.2. Quy định pháp luật về điều kiện trở thành thành viên của hợp tác xã

Điều kiện trở thành thành viên hợp tác xã được quy định tại Điều 30 Luật Hợp tác xã năm 2023. Với mỗi loại thành viên, điều kiện sẽ khác nhau, phụ thuộc vào tính chất, vai trò của mỗi loại thành viên đối với sự hình thành, tồn tại của hợp tác xã. Cụ thể như sau:

Đối với thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn của hợp tác xã, phải thỏa mãn các điều kiện cơ bản sau:

- *Điều kiện về chủ thể, bao gồm:*

+ Đối với cá nhân là công dân Việt Nam: Từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

+ Đối với cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài: Có giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

+ Đối với hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân: Phải được thành lập, hoạt động tại Việt Nam.

+ Đối với pháp nhân: Phải là pháp nhân Việt Nam.

- *Điều kiện về đơn gia nhập:* Cá nhân, tổ chức phải có đơn tự nguyện gia nhập hợp tác xã;

- *Điều kiện về tài sản:* Góp vốn theo quy định pháp luật và điều lệ hợp tác xã.

Đối với thành viên liên kết không góp vốn, phải thỏa mãn các điều kiện cơ bản sau:

- *Điều kiện về chủ thể, bao gồm:*

+ Đối với cá nhân là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam: Từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

Nếu cá nhân là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên đến dưới 18 tuổi thì phải đáp ứng điều kiện: Không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; khi tham gia các giao dịch dân sự, lao động thì phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật;

+ Đối với hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân: Phải thành lập, hoạt động tại Việt Nam;

+ Đối với pháp nhân: Phải là pháp nhân Việt Nam.

- *Điều kiện về đơn gia nhập:* Cá nhân, tổ chức phải có đơn tự nguyện gia nhập;

- *Điều kiện về tài sản:* Phải nộp phí thành viên theo quy định của pháp luật và điều lệ của hợp tác xã.

Ngoài các điều kiện cơ bản trên, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài khi tham gia là thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn của hợp tác xã phải đáp ứng các điều kiện liên quan đến pháp luật đầu tư như: Điều kiện tiếp cận thị trường áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài; điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh; điều kiện về tỉ lệ vốn góp trong hợp tác xã.

Quy định về điều kiện trở thành thành viên hợp tác xã quy định pháp luật Việt

Nam hiện hành về cơ bản đã khắc phục được một số bất hợp lý của pháp luật hợp tác xã trước đó. Cụ thể như sau:

Một là, pháp luật hiện hành không đặt ra hệ thống điều kiện chung cho tất cả các loại thành viên mà bước đầu đã thể hiện sự khác biệt giữa các loại thành viên thông qua việc xây dựng hệ thống điều kiện khác nhau cho mỗi loại thành viên. Đối với thành viên chính thức và thành viên liên kết góp vốn – là những chủ sở hữu của hợp tác xã nên đều phải thỏa mãn điều kiện “góp vốn”, nhưng thành viên liên kết không góp vốn về bản chất là “người lao động” hoặc “khách hàng” (hoặc cả hai) của hợp tác xã nên không cần “góp vốn” mà chỉ “nộp phí thành viên”. Về bản chất, thành viên chính thức và thành viên liên kết góp vốn là chủ sở hữu hợp tác xã nên yêu cầu phải từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ (đối với công dân Việt Nam) và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài). Đối với thành viên liên kết không góp vốn thì chỉ cần từ đủ 15 tuổi trở lên (đối với công dân Việt Nam) và cư trú hợp pháp tại Việt Nam (đối với người nước ngoài), bởi lẽ thành viên liên kết không góp vốn về bản chất không phải là nhà đầu tư mà là người lao động hoặc khách hàng. Là người lao động nên chỉ cần thỏa mãn điều kiện độ tuổi lao động tối thiểu của người lao động (đủ 15 tuổi) tại Điều 3 Bộ luật Lao động năm 2019. Với thành viên liên kết không góp vốn là người nước ngoài, vì không phải là nhà đầu tư nên không phải đáp ứng điều kiện về giấy chứng nhận đăng ký đầu tư như đối với thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn. Tác giả đánh giá đây là điểm đổi mới tiến bộ của pháp luật hợp tác xã hiện hành so với pháp luật hợp tác xã trước đó.

Hai là, pháp luật hợp tác xã hiện hành đã chuẩn hóa hệ thống điều kiện trở thành thành viên hợp tác xã phù hợp tình hình hiện tại và bảo đảm tương thích với các lĩnh vực pháp luật khác như pháp luật lao động, pháp luật đầu tư. Pháp luật hợp tác xã hiện hành bãi bỏ điều kiện “Có nhu cầu hợp tác với các thành viên và nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã” của Luật Hợp tác xã năm 2012. Quy định này phù hợp với thực tế, tạo điều kiện cho các cá nhân, tổ chức không có nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã, đồng thời bảo đảm quyền tự do tiêu dùng của người tiêu dùng. Luật Hợp tác xã năm 2023 cũng sửa đổi quy định “Cá nhân là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam, từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ” của Luật Hợp tác xã năm 2012 theo hướng không bắt buộc tất cả các thành viên của hợp tác xã phải đạt độ tuổi từ đủ 18 tuổi trở lên. Quy định này phù hợp với quy định về thành viên liên kết không góp vốn của hợp tác xã, phù hợp với quy định về độ tuổi lao động tối thiểu của pháp luật lao động hiện hành và cũng phù hợp với loại hợp tác xã trường học như nhận định: “Cá nhân phải từ đủ 18 tuổi trở lên đã hạn chế người chưa đủ tuổi vị thành niên tham gia các hợp tác xã trường học”¹¹. Hoặc quy định về điều kiện tiếp cận thị trường áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài, điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh, điều kiện về tỉ lệ vốn góp trong hợp tác xã đối với nhà đầu tư nước ngoài phù hợp, tương thích với quy định của pháp luật đầu tư. Đây là những điểm tiến bộ của pháp luật hợp tác xã hiện hành.

¹¹ Tờ trình dự án Luật Hợp tác xã (sửa đổi) số 379/TTr-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ, tr.3

Tuy vậy, theo quan điểm của tác giả, pháp luật hợp tác xã hiện hành còn có một số vấn đề cần trao đổi thêm, cụ thể như sau:

Thứ nhất, quy định: “Tổ chức không có tư cách pháp nhân” có thể trở thành thành viên của hợp tác xã (cả 03 loại thành viên) là quy định chưa phù hợp với 02 loại thành viên là thành viên chính thức và thành viên liên kết góp vốn. Theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2023, thành viên chính thức và thành viên liên kết góp vốn đều phải thỏa mãn điều kiện “góp vốn” vào hợp tác xã, trong khi đó, tổ chức không có tư cách pháp nhân vốn là tổ chức không có tài sản riêng. Tài sản mà tổ chức không có tư cách pháp nhân đang quản lý, sử dụng về bản chất là tài sản thuộc quyền sở hữu của chủ sở hữu tổ chức đó; không có sự tách bạch, độc lập giữa tài sản của chủ sở hữu và tài sản của tổ chức. Nhìn chung, có thể nói tổ chức không có tư cách pháp nhân không có tài sản, trong khi đó góp vốn vào hợp tác xã là phải góp bằng tài sản. Nếu tổ chức không có tư cách pháp nhân góp vốn vào hợp tác xã thì thực chất là góp vốn nhân danh chủ sở hữu của tổ chức mà không phải nhân danh tổ chức đó.

Thứ hai, giả sử chấp nhận “Tổ chức không có tư cách pháp nhân” được góp vốn để trở thành thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn của hợp tác xã thì không cần tách điểm “c” và “d” của khoản 1 Điều 30 Luật Hợp tác xã năm 2023. Theo quy định của Luật Hợp tác xã hiện hành, dù là tổ chức có tư cách pháp nhân hay không có tư cách pháp nhân, muốn trở thành thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn của hợp tác xã, tổ chức đó vẫn phải đáp ứng yêu cầu là tổ chức của Việt Nam (“pháp nhân Việt Nam” ở điểm d, và “hộ gia đình,

tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân thành lập, hoạt động tại Việt Nam” ở điểm c).

Thứ ba, một số quy định về thành viên liên kết không góp vốn chưa phù hợp. Quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 30 Luật Hợp tác xã năm 2023 vì thành viên liên kết không góp vốn có thể chỉ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã. Trong trường hợp này, thành viên liên kết không góp vốn về bản chất đóng vai trò là “khách hàng” của hợp tác xã. Do đó, nếu quy định thành viên liên kết không góp vốn là “pháp nhân Việt Nam” (điểm d), “tổ chức khác không có tư cách pháp nhân thành lập, hoạt động tại Việt Nam” (điểm c) vô hình trung đã hạn chế lượng khách hàng của hợp tác xã – điều mà trong kinh doanh, không có chủ thể kinh doanh nào mong muốn. Ngoài ra, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 30: “*Cá nhân là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên đến dưới 18 tuổi*” là quy định diễn đạt chưa chuẩn. Từ “trở lên” trong quy định này là một từ thừa và thiếu tính khoa học trong cách diễn đạt các quy định pháp luật.

1.3. Quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của thành viên hợp tác xã

Pháp luật quy định mỗi loại thành viên của hợp tác xã có hệ thống quyền và nghĩa vụ khác nhau, trong đó thành viên chính thức có các quyền và nghĩa vụ đầy đủ nhất của một thành viên hợp tác xã, các thành viên còn lại do tính chất, đặc điểm khác với thành viên chính thức nên có thể bị hạn chế một số quyền hoặc không phải thực hiện một số nghĩa vụ.

Thứ nhất, quyền của thành viên hợp tác xã

Thành viên chính thức của hợp tác xã có các quyền được quy định tại khoản 1

Điều 31 Luật Hợp tác xã năm 2023, trong đó bao gồm các quyền như: Được hợp tác xã cung ứng sản phẩm, dịch vụ, việc làm; được phân phối thu nhập theo quy định của pháp luật và Điều lệ; được hưởng phúc lợi của hợp tác xã; được tham dự hoặc bầu đại biểu tham dự Đại hội thành viên; được biểu quyết nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội thành viên...

Thành viên liên kết góp vốn có các quyền được quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Hợp tác xã năm 2023, theo đó thành viên liên kết góp vốn được hưởng các quyền tương tự mà thành viên chính thức được hưởng. Tuy nhiên, so với thành viên chính thức thì thành viên liên kết không được thụ hưởng một số quyền như: Được hợp tác xã cung ứng sản phẩm, dịch vụ, việc làm; được tham dự hoặc bầu đại biểu tham dự Đại hội thành viên; được biểu quyết nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội thành viên; ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên và các chức danh quản lý khác được bầu; yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên triệu tập Đại hội thành viên bất thường. Với cuộc họp Đại hội thành viên, thành viên liên kết góp vốn chỉ được tham gia và phát biểu (nhưng không được biểu quyết) tại cuộc họp Đại hội thành viên khi được mời.

So với 02 loại thành viên bên trên, thành viên liên kết không góp vốn bị hạn chế quyền nhất. Khoản 3 Điều 31 Luật Hợp tác xã năm 2023 quy định *thành viên liên kết không góp vốn có các quyền sau*: (i) Được hợp tác xã cung ứng sản phẩm, dịch vụ, việc làm; được hưởng phúc lợi của hợp tác xã; (ii) Được cung cấp thông tin cần

thiết liên quan đến hoạt động của hợp tác xã; (iii) Được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ phục vụ hoạt động của hợp tác xã; (iv) Ra khỏi hợp tác xã theo quy định của Luật này và Điều lệ; (v) Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện theo quy định của pháp luật; (vi) Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ; (vii) Tham gia và phát biểu nhưng không được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội thành viên khi được mời.

Thứ hai, nghĩa vụ của thành viên hợp tác xã

Thành viên chính thức của hợp tác xã có các nghĩa vụ được quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Hợp tác xã năm 2023, bao gồm: (i) Góp đủ, đúng thời hạn phần vốn góp đã cam kết theo quy định của Điều lệ; (ii) Sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã đã đăng ký hoặc góp sức lao động theo thỏa thuận với hợp tác xã; (iii) Chịu trách nhiệm về các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính của hợp tác xã trong phạm vi phần vốn góp vào hợp tác xã; (iv) Bồi thường thiệt hại do mình gây ra cho hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ; (v) Tuân thủ tôn chỉ, mục đích, Điều lệ, quy chế của hợp tác xã, nghị quyết Đại hội thành viên và quyết định của Hội đồng quản trị đối với tổ chức quản trị đầy đủ hoặc Giám đốc đối với tổ chức quản trị rút gọn; (vi) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Thành viên liên kết góp vốn có các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Hợp tác xã năm 2023. Về cơ bản, thành viên liên kết góp vốn phải thực hiện các nghĩa vụ như thành viên chính thức, trừ nghĩa vụ “sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã đã đăng ký hoặc góp sức lao động theo thỏa thuận với hợp tác xã”.

Thành viên liên kết không góp vốn có các nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Hợp tác xã năm 2023. Về cơ bản, thành viên liên kết không góp vốn phải thực hiện các nghĩa vụ tương tự thành viên chính thức, trừ các nghĩa vụ: Góp đủ, đúng thời hạn phần vốn góp đã cam kết theo quy định của Điều lệ; chịu trách nhiệm về các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính của hợp tác xã trong phạm vi phần vốn góp vào hợp tác xã. Bên cạnh đó, thành viên liên kết không góp vốn phải thực hiện nghĩa vụ nộp phí thành viên theo quy định của Điều lệ.

Nghiên cứu các quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của thành viên hợp tác xã, tác giả có một số nhận định sau:

Một là, các quy định của Luật Hợp tác xã năm 2023 về quyền và nghĩa vụ của thành viên hợp tác xã về cơ bản phù hợp với tính chất, vị trí, vai trò của mỗi loại thành viên trong hợp tác xã. Các quy định về quyền và nghĩa vụ của thành viên chính thức được cho là đầy đủ nhất và được xây dựng như một tham chiếu cho quyền và nghĩa vụ của các thành viên khác. Điều này hoàn toàn phù hợp với vị trí bắt buộc phải có của thành viên chính thức trong hợp tác xã. Với các thành viên còn lại, pháp luật trao cho họ các quyền và quy định các nghĩa vụ đối với họ phù hợp với vai trò của họ trong hợp tác xã. Chẳng hạn, thành viên liên kết không góp vốn không có quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại hội thành viên, không có quyền tham dự hoặc bầu đại biểu tham dự cuộc họp Đại hội thành viên, không được trả lại một phần hoặc toàn bộ vốn góp, không được nhận phần giá trị tài sản còn lại của hợp tác xã theo quy định pháp luật... Quy định này xuất phát từ tính chất của thành viên liên kết không góp vốn là những thành viên không có hoạt động

góp vốn vào hợp tác xã mà chỉ góp sức lao động hoặc sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã. Do là loại thành viên không có hoạt động góp vốn vào hợp tác xã nên về bản chất, thành viên liên kết không góp vốn không phải là chủ sở hữu của hợp tác xã mà chỉ là người lao động hoặc là khách hàng của hợp tác xã. Do đó, thành viên liên kết không góp vốn đương nhiên không có các quyền như một chủ sở hữu của hợp tác xã. Về nghĩa vụ, Luật Hợp tác xã quy định thành viên liên kết góp vốn không phải thực hiện nghĩa vụ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã hoặc nghĩa vụ góp sức lao động. Quy định này hoàn toàn phù hợp, bởi lẽ thành viên liên kết góp vốn là loại thành viên chỉ tham gia góp vốn vào hợp tác xã. Bên cạnh đó, pháp luật cũng quy định thành viên liên kết không góp vốn không phải thực hiện nghĩa vụ góp vốn, không phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính của hợp tác xã. Quy định này hoàn toàn phù hợp bởi vì thành viên liên kết không góp vốn về bản chất là loại thành viên không tham gia góp vốn vào hợp tác xã, do đó đương nhiên không phải chịu trách nhiệm thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh từ hoạt động kinh doanh của hợp tác xã.

Hai là, bên cạnh những thành công trên, pháp luật hiện hành vẫn còn một số quy định chưa phù hợp về quyền và nghĩa vụ của thành viên hợp tác xã cần được trao đổi và hoàn thiện thêm. Một số quy định về quyền của thành viên liên kết góp vốn chưa phù hợp với tính chất của loại thành viên này. Về bản chất, thành viên liên kết góp vốn là người có hoạt động góp vốn vào hợp tác xã, do đó họ là chủ sở hữu của hợp tác xã. Tuy nhiên, theo pháp luật hiện hành, thành viên liên kết góp vốn không được

hưởng một số quyền vốn dành cho chủ sở hữu của một chủ thể kinh doanh, như: Quyền tham dự hoặc bầu đại biểu tham dự Đại hội thành viên; quyền biểu quyết nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội thành viên; quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng giám đốc, Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên triệu tập Đại hội thành viên bất thường;... Hoặc, quy định thành viên liên kết góp vốn chỉ được tham gia phát biểu tại cuộc họp Đại hội thành viên khi được mời, trong khi đó là một chủ sở hữu, quyền tham gia Đại hội thành viên và đưa ra ý kiến của mình tại cuộc họp này là đương nhiên.

2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về thành viên hợp tác xã

Để hoàn thiện hơn các quy định pháp luật hiện hành về thành viên hợp tác xã, tác giả bài viết đề xuất một số giải pháp sau:

Thứ nhất, bãi bỏ quy định về tổ chức không có tư cách pháp nhân được phép trở thành thành viên chính thức và thành viên liên kết góp vốn của hợp tác xã tại điểm c khoản 1 Điều 30 Luật Hợp tác xã năm 2023. Việc này vừa phản ánh đúng bản chất của tổ chức không có tư cách pháp nhân ở góc độ tài sản, vừa bảo đảm được sự tương thích với pháp luật doanh nghiệp. Luật Doanh nghiệp năm 2020 tại điểm d khoản 2 Điều 17 quy định tổ chức không có tư cách pháp nhân không được thành lập và quản lý doanh nghiệp. Bên cạnh đó, khoản 4 Điều 188 của Luật này cũng quy định doanh nghiệp tư nhân không được quyền góp vốn thành lập hoặc mua cổ phần, phần vốn góp ở các doanh nghiệp khác, bởi doanh nghiệp tư nhân là tổ chức không có tư cách pháp nhân.

Thứ hai, về kỹ thuật lập pháp, có thể gộp điểm c và d của khoản 1 Điều 30 vào nhau, và tương tự như vậy gộp điểm c và d của khoản 2 Điều 30 của Luật Hợp tác xã năm 2023 với nhau, bởi lẽ các tổ chức không có tư cách pháp nhân được đề cập đến ở điểm c và tổ chức có tư cách pháp nhân được đề cập ở điểm d đều bắt buộc là tổ chức được thành lập tại Việt Nam. Việc gộp này vừa giúp điều luật ngắn gọn hơn mà vẫn truyền tải đủ ý, vừa thể hiện tính khoa học trong việc xây dựng một quy phạm pháp luật. Về cơ bản sau khi gộp quy định này sẽ là: “Hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác thành lập, hoạt động tại Việt Nam”.

Thứ ba, sửa đổi một số quy định liên quan đến điều kiện trở thành thành viên liên kết không góp vốn tại khoản 2 Điều 30 Luật Hợp tác xã năm 2023. Cụ thể, sửa đổi điểm c và d của khoản 2 Điều 30, từ “...*tổ chức khác không có tư cách pháp nhân thành lập, hoạt động tại Việt Nam*” thành “...*tổ chức khác không có tư cách pháp nhân*”, từ “*pháp nhân Việt Nam*” thành “*pháp nhân*”. Việc sửa đổi này tạo điều kiện (về mặt pháp lý) cho hợp tác xã có thể mở rộng đối tượng khách hàng của mình. Thành viên liên kết không góp vốn là loại thành viên có thể chỉ tham gia sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã. Điều này có nghĩa họ trở thành khách hàng của hợp tác xã. Nếu quy định thành viên liên kết không góp vốn chỉ bao gồm các tổ chức (có hoặc không có tư cách pháp nhân) được thành lập tại Việt Nam sẽ đồng nghĩa với việc loại bỏ các khách hàng là tổ chức nước ngoài (là những tổ chức được thành lập ở các quốc gia khác). Đây là điều hết sức phi lý trong hoạt động kinh doanh, thương mại trong khi nhiều quốc gia tiên tiến trên thế giới như Đức hay Nhật Bản đều không hạn chế các thành viên liên

kết, thậm chí coi chính các khách hàng sử dụng hàng hóa, dịch vụ của hợp tác xã là thành viên liên kết, nên quy mô và số lượng thành viên của các hợp tác xã thường rất lớn¹².

Ngoài ra, về mặt kỹ thuật lập pháp, cần sửa đổi một phần nội dung của điểm b khoản 2 Điều 30. Cụ thể, sửa theo hướng cắt bỏ cụm từ “trở lên” trong quy định: “*Cá nhân là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên đến dưới 18 tuổi...*”. Cụm từ “trở lên” dùng để biểu thị tiêu chí định lượng với ý nghĩa không có giới hạn tối đa, trong khi đó quy định trên có giới hạn tối đa là “...đến dưới 18 tuổi”. Do đó, quy định trên chưa chuẩn về mặt kỹ thuật diễn đạt. Sau sửa đổi, quy định này sẽ là: “*Cá nhân là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi...*”.

Thứ tư, cần sửa đổi một số quy định liên quan đến quyền, nghĩa vụ của thành viên liên kết góp vốn của hợp tác xã. Thành viên liên kết góp vốn là loại thành viên có hoạt động góp vốn vào hợp tác xã, “góp vốn” là điều kiện bắt buộc đối với các tổ chức, cá nhân khi muốn trở thành loại thành viên này. Sau khi góp vốn vào hợp tác xã, về bản chất thành viên này hiển nhiên trở thành chủ sở hữu của hợp tác xã tương tự thành viên chính thức. Do đó, theo quan điểm của tác giả bài viết này, pháp luật phải trao cho họ các quyền vốn là quyền của chủ sở hữu đối với chủ thể kinh doanh mà họ là chủ. Vì vậy, Luật Hợp tác xã cần bổ sung một số quyền đối với thành viên liên kết góp vốn, như: (i) Quyền tham dự hoặc bầu

đại biểu tham dự Đại hội thành viên; (ii) Quyền biểu quyết nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội thành viên; (iii) Quyền ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên và các chức danh quản lý khác được bầu; (iv) Quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên triệu tập Đại hội thành viên bất thường. Bên cạnh đó, sau khi đã bổ sung các quyền trên đối với thành viên liên kết góp vốn của hợp tác xã, cần hủy bỏ quy định “*Tham gia và phát biểu nhưng không được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội thành viên khi được mời*” tại điểm b khoản 2 Điều 31. Với tư cách là chủ sở hữu của hợp tác xã, thành viên liên kết góp vốn vốn dĩ không cần phải “được mời” mà đương nhiên có quyền tham gia họp, phát biểu và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội thành viên.

Kết luận

Luật Hợp tác xã năm 2023 ghi dấu ấn đáng kể trong lĩnh vực pháp luật về hợp tác xã với những thay đổi có tính chất cơ bản, đặc biệt ở các quy định về thành viên của hợp tác xã. So với các văn bản luật hợp tác xã trước đó, Luật Hợp tác xã năm 2023 thành công hơn hẳn trong việc tiếp cận pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới cũng như tiếp nhận sự phát triển và thay đổi tính tồn tại thực tế của hợp tác xã trong bối cảnh Việt Nam hiện nay. Mặc dù vậy, sự đổi mới lần này của pháp luật về hợp tác xã nói chung, về thành viên của hợp tác xã nói riêng ở Việt Nam vẫn còn khá nhiều sạn. Các ý kiến gợi mở, đề xuất trong nghiên cứu này đáng được cân nhắc để hoàn thiện hơn nữa pháp luật về thành viên hợp tác xã trong tương lai.

¹² Bộ Kế hoạch và Đầu tư, *Kinh nghiệm phát triển hợp tác xã ở một số quốc gia trên thế giới và giá trị tham khảo cho Việt Nam*, Hồ sơ dự án Luật Hợp tác xã (sửa đổi), 2022.